TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2025/DSST
Ngày: 24/7/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Trần Thục Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Nguyệt Mai

2. Ông Đoàn Hồng Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư và ông Phan Văn Dần - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16; 21 và 24 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:
1/ Ông Võ Lê T, sinh năm 1957 (Có mặt)
2/ Bà Lê Nữ Anh M, sinh năm 1966
Địa chỉ: QYE/RU20 đường PBĐ, Phường BY, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 - theo Giấy ủy quyền số 005620 ngày 26/5/2022 tại Văn phòng Công chứng Chợ lớn); Địa chỉ: 605 Nguyễn Trãi, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Bị đơn: Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cơ Khí HT
Trụ sở: QEP đường GTD, Phường QY, Quận Y (nay là phường số 25) Thành phố Hồ Chí Minh (đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24 tháng 02 năm 2020)
Trụ sở chính theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 18 tháng 9 năm 2023: số ROP đường TĐV, phường BTĐ B, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh S - Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền:
1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1995, hoặc ông Nguyễn Long T, sinh năm 1999- Địa chỉ: Số P đường số I, KDC SK, phường PT, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh - theo Giấy uỷ quyền ngày 12/7/2022 (Có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1/ Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1983

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1995 - theo Giấy ủy quyền ngày 24/7/2023; Địa chỉ liên lạc: Số P đường số I, KDC SK, phường PT, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt)

2/ Ông Mã A, sinh năm 1930 - do ông Mã Tuấn K đại diện uỷ quyền (Vắng mặt)

3/ Ông Mã Tuấn K, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

4/ Bà Trần Lê Phương Đ, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số UU Đường YI, chung cư căn hộ LN, phường TT, quận TB, phòng B107, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Ông Phan Quang V, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: RQQ/T đường LTN, Phường QR, quận ThB, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Lê T và bà Lê Nữ Anh M (sau đây gọi tắt ông T, bà M) ngày 26 tháng 02 năm 2020, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/01/2019, ông T, bà M có ký hợp đồng vay để cho Công ty TNHH Cơ khí HT (sau đây gọi tắt là Công ty HT) vay với số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), lãi suất 1%/tháng (12%/năm). Công ty HT đã trả đầy đủ tiền lãi trong hạn nhưng chưa trả nợ gốc cho ông T, bà M. Theo hợp đồng vay, Công ty HT có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc cho ông T, bà M như sau:

"Bên B có trách nhiệm thanh toán nợ gốc cho bên A theo từng quý là 03 tháng một lần và trả làm 04 lần, mỗi lần là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng):

Trả lần thứ nhất: từ ngày 28/01/2019 đến ngày 28/3/2019 là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng)

Trả lần thứ hai: từ ngày 28/3/2019 đến ngày 28/6/2019 là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng)

Trả lần thứ ba: từ ngày 28/6/2019 đến ngày 28/9/2019 là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng)

Trả lần thứ tư: từ ngày 28/9/2019 đến ngày 28/12/2019 là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng)."

Từ ngày 28/01/2019 đến nay, Công ty HT chưa lần nào thanh toán số tiền nợ gốc cho ông T, bà M. Kể từ ngày hết hạn trả nợ nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ với Công ty HT để yêu cầu trả toàn bộ tiền gốc nhưng Công ty HT vẫn cố tình không trả, hẹn hết lần này đến lần khác.

Việc Công ty HT hứa hẹn, trốn tránh nghĩa vụ, chiếm dụng không trả tiền gốc nguyên đơn làm ảnh hưởng việc chi trả sinh hoạt hằng ngày của ông T, bà M, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích nguyên đơn, nên ông T, bà M yêu cầu Công ty HT phải trả tiền gốc và lãi, tạm tính đến ngày 24/7/2025 là 1.586.237.500 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Trong đó:

1. Tiền gốc: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

2. Tiền lãi: Lãi suất quá hạn là 10%/năm, tương đương với 0,027%/ngày.

+ Lần trả thứ nhất: 250.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 29/3/2019 đến ngày 24/7/2025 là: 250.000.000 đồng x 0,027% x 2309 ngày = 155.857.500 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng). (1)

+ Lần trả thứ hai: 250.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 29/6/2019 đến ngày 24/7/2025 là: 250.000.000 đồng x 0,027% x 2217 ngày = 149.647.500 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng). (2)

+ Lần trả thứ ba: 250.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 29/9/2019 đến ngày 24/7/2025 là: 250.000.000 đồng x 0,027% x 2125 ngày = 143.437.500 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy triệu năm trăm đồng). (3)

+ Lần trả thứ tư: 250.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 29/12/2019 đến ngày 24/7/2025 là: 250.000.000 đồng x 0,027% x 2034 ngày = 137.295.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng). (4)

Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 24/7/2025 là: (1) + (2) + (3) + (4) = 586.237.500 đồng (Năm trăm tám mươi sáu triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra nguyên đơn trình bày ngày 17 tháng 01 năm 2023, ông Mã Tuấn K đã chuyển số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) vào tài khoản của ông Võ Lê T. vì nghĩ ông K thay mặt Công ty HT trả nợ nên đã đồng ý cấn trừ. Tuy nhiên nguyên đơn không chấp nhận việc Công ty HT "chuyển nợ" để các ông, bà Mã A, Mã Tuấn K và Trần Lê Phương Đ trả khoản nợ này nên nguyên đơn sẽ chuyển trả số nợ trên cho gia đình ông Mã A.

*Trong đơn cũng như tại các bản tự khai và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH Cơ khí HT trình bày:

Khoản tiền mà ông Võ Lê T và bà Lê Nữ Anh M yêu cầu Công ty HT trả là không có cơ sở vì các lý do sau: Giữa Công ty HT và ông T, bà M không có các chứng cứ thể hiện việc thu, chi các khoản nợ theo hợp đồng vay được nguyên đơn đề cập; sổ sách kế toán của Công ty HT không có phần hạch toán khoản nợ trên kể từ năm 2017 đến nay; báo cáo tài chính của Công ty HT năm 2017, 2018, 2019 và tại thời điểm chuyển nhượng phần vốn góp không có khoản nợ trên; những khoản lãi mà ông Mã A tự xác nhận là đã trả trên danh nghĩa Công ty HT cho ông T, bà M năm 2019 cũng không được hạch toán vào chi phí của Công ty HT trong báo cáo và theo hợp đồng số 01/02/HĐCNCP ngày 20/02/2020 giữa ông Mã A, ông Mã Tuấn K, bà Trần Lê Phương Đ (là thành viên góp vốn của Công ty HT trước thời điểm ông A và ông K chuyển nhượng phần vốn góp) cho ông Nguyễn Minh S. Theo đó, ông S đầu tư mua phần vốn góp của ông A, ông K, trong hợp đồng các bên đã thỏa thuận và xác nhận các khoản nợ cụ thể: Tại thời điểm ông S nhận chuyển nhượng phần vốn góp từ ông A, ông K thì Công ty HT ghi nhận liệt kê các khoản nợ (có sự đồng ý và thông qua của các thành viên Công ty HT) theo khoản 3 Điều 2 Hợp đồng chuyển nhượng số 01/02/HĐCNCP ngày 20/02/2020 như sau:

Các khoản nợ phải trả của Công ty HT	
Hopcheng (PVC) 6800 USD	157.352.000
Điện tháng 01/2020	10.719.639
Sửa máy	18.836.400
Trương Thông	118.900.000
Bách hợp	85.429.850

Pacific	100.000.000
Camphuhica 25000 USD	582.500.000
Đài Loan	3.700.000.000
Hàn Quốc 27338 USD	632.738.000
Rượu Việt Nam	200.000.000
Thuế GTGT	223.612.628
Bảo hiểm XH đến tháng 12/2019	601.974.423
Vay Ngân hàng	600.730.657
Tổng cộng	7.032.793.597đ (Bảy tỷ không trăm ba mươi hai triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn năm trăm chín mươi bảy đồng)

Theo bảng liệt kê các khoản nợ trên, Công ty HT không có khoản nợ 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) với nguyên đơn và theo khoản 3 Điều 2 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/02/HĐCNCP ngày 20/02/2020, các ông (bà) Anh, Kiệt và Đào đã cam kết như sau: "Tất cả các khoản công nợ không liệt kê trong Điều khoản hợp đồng này thì trách nhiệm sẽ thuộc về các cổ đông Công ty TNHH Cơ khí HT như ông Mã A, ông Mã Tuấn K, bà Trần Lê Phương Đ sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm về các khoản nợ đó".

Như vậy, qua quá trình kiểm tra, xem xét các khoản nợ, các khoản thu, chi, báo cáo thuế, báo cáo tài chính của Công ty HT vào thời điểm từ năm 2017 đến nay, tại thời điểm ông S tiếp nhận, quản lý công ty từ ngày 24/02/2020, sự cam kết của ông A, ông K và bà Đ và bảng liệt kê các khoản nợ trên của Công ty HT đều thể hiện Công ty HT không có khoản vay với nguyên đơn. Khoản vay của ông T, bà M là khoản vay của các cá nhân thành viên Công ty với ông T, bà M.

Do đó, Công ty HT không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty HT không có nghĩa vụ trả nợ cho ông T, bà M. Đề nghị buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông A, ông K và bà Đ phải có trách nhiệm liên đới trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn theo yêu cầu của nguyên đơn.

*Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 13 tháng 7 năm 2022 với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh S trình bày như bị đơn và có thêm yêu cầu đề nghị buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Mã A, ông Mã Tuấn K và bà Trần Lê Phương Đ phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc và lãi tương ứng với số tiền mà Công ty HT phải trả cho ông T, bà M theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra tại phiên toà ngày 24/4/2025 và đơn đề nghị ngày 28/4/2025 ông Nguyễn Văn H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn và ông Nguyễn Minh S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu chuyển thẩm quyền giải quyết vụ án lên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vì cho rằng đây là vụ án Kinh doanh thương mại có sự tranh chấp là các thành viên góp vốn của Công ty HT phải cùng liên đới hoàn trả số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) chưa tính lãi suất tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp Tòa án có thẩm quyền tuyên Công ty HT có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là ông T, bà M. Xác định rằng tranh chấp này phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp và là tranh chấp phát sinh giữa công ty với các thành viên công ty theo quy định của pháp luật.

*Trong các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã A, ông Mã Tuấn K và bà Trần Lê Phương Đ trình bày:

-Ông Mã A: Xác nhận khoản nợ mà nguyên đơn ông T, bà M đề cập là khoản nợ giữa cá nhân của ông và nguyên đơn, không liên quan đến Công ty HT cũng như không liên

quan đến ông K và bà Đ, ông xin chỉ trả nợ gốc và không đồng ý trả lãi vì ông đã trả lãi cho nguyên đơn nhiều năm nay.

- Ông Mã Tuấn K: Xác nhận khoản nợ với nguyên đơn là nợ giữa cá nhân ông Mã A với nguyên đơn không liên quan đến Công ty HT. Về việc ký tên trên hợp đồng vay là cha mình là ông A bắt ông ký, ông không rành tiếng Việt và tại thời điểm ký hợp đồng vay ông đang là đại diện pháp luật của Công ty HT. Tuy nhiên ông cũng xin chịu trách nhiệm cá nhân để trả nợ cho ông T, bà M số tiền nợ mà phía nguyên đơn yêu cầu, hiện tại do gia đình quá khó khăn nên ông xin chỉ trả dần nợ gốc có bao nhiêu trả bao nhiêu. Vợ ông là bà Đ không liên quan đến khoản nợ trên vì ngay tại thời điểm ký vay bà Đ chưa vào Công ty HT với bất kỳ tư cách gì.

- Bà Trần Lê Phương Đ cho rằng việc mượn nợ là giữa cá nhân ông A với nguyên đơn ông T, bà M, không liên quan đến Công ty HT và bà không liên quan vào khoản nợ này, nên bà không có trách nhiệm phải trả khoản nợ này.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Quang V đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng ông V vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến trình bày mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án cũng như tham gia các phiên tòa.

Tại phiên tòa:

*Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc Công ty HT phải trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 24/7/2025 là 1.586.237.500 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 586.237.500 đồng và chuyển trả cho ông Mã Tuấn K 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) mà ông K đã chuyển cho nguyên đơn vào ngày 17/01/2023.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty HT và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh S là ông Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong đơn yêu cầu độc lập, các bản tự khai, các phiên họp hòa giải và trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã A, ông Mã Tuấn K và bà Trần Lê Phương Đ phải có trách nhiệm liên đới trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn theo yêu cầu của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã A, ông Mã Tuấn K, bà Trần Lê Phương Đ và ông Phan Quang V vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

2. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh S

3. Nguyên đơn ông Võ Lê T, bà Lê Nữ Anh M có trách nhiệm hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã Tuấn K số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) mà ông K đã chuyển cho nguyên đơn vào ngày 17 tháng 01 năm 2023.

Về án phí:

- Bị đơn phải chịu án phí do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Các ông, bà Mã A, Mã Tuấn K, Trần Lê Phương Đ phải chịu án phí do chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh S.

-Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn và ông Nguyễn Minh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Võ Lê T và bà Lê Nữ Anh M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Cơ khí HT trả tiền nợ vay theo hợp đồng vay ngày 09 tháng 01 năm 2019. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301240862 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 9 năm 2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24 tháng 02 năm 2020 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì bị đơn Công ty TNHH Cơ khí HT có địa chỉ trụ sở tại số QEP đường GTD, Phường QY, Quận Y (nay là phường Chợ Lớn) - Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và điểm c khoản 1 Điều 4 Luật Tổ chức Tòa án năm 2024 sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sư:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH Cơ khí HT và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh S là ông Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 11 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ kết quả xác minh của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an Thành phố Hồ Chí Minh tại công văn số 13191/QLXNC-Đ1 ngày 24/12/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã Tuấn K, sinh năm 1971 và bà Trần Lê Phương Đ, sinh năm 1984 đã xuất cảnh gần nhất là ngày 11/12/2024 qua cửa khẩu quốc tế Tân Sơn Nhất, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại và không rõ địa chỉ cư trú của ông K và bà Đ ở nước ngoài. Tòa án đã thực hiện tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án cho các ông, bà: Mã A, Mã Tuấn K, Trần Lê Phương Đ và Phan Quang V để họ được biết tham gia các phiên tòa nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của mình, tuy nhiên các đương sự trên không đến tham gia phiên toà, căn cứ theo nquy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 ông K, bà Đ không cung cấp địa chỉ nên được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 3, Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 (khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025). Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại các phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định:

Xét hợp đồng vay được ký kết giữa nguyên đơn và Công ty TNHH Cơ khí HT có chữ ký của đại diện bên cho vay là ông Võ Lê T, bên bị đơn có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và được đóng dấu của Công ty TNHH Cơ khí HT là bên vay. Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301240862 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 9 năm 2019 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì tại thời điểm ký kết hợp đồng vay ông Mã Tuấn K là Giám đốc - người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Cơ khí HT.

Xét hợp đồng chuyển nhượng số 01/02/HĐCNCP ngày 20/02/2020 giữa ông Mã A, ông Mã Tuấn K, bà Trần Lê Phương Đ (là thành viên góp vốn của Công ty HT trước thời điểm ông Mã A và ông Mã Tuấn K chuyển nhượng phần vốn góp) và ông Nguyễn Minh S, tại Điều 2 ghi nhận: "... sau khi quyết toán thuế và xác nhận toàn bộ công nợ của Công ty thì ông Nguyễn Minh S sẽ làm bảo lãnh số tiền là 5.000.000.000 đồng để đảm bảo cho việc thanh toán các công nợ của các bên có liên quan Công ty TNHH HT ...". Điều này đã mâu thuẫn với danh sách các khoản nợ mà hai bên lập, chính ông S cũng không tin vào bảng liệt kê danh sách nợ phải trả của Công ty HT vì tại thời điểm ký kết là ngày 20/02/2020 việc quyết toán năm chưa xảy ra nhưng các bên đã tự lập bản danh sách chưa được kiểm chứng qua các chứng từ, sổ sách.

Xét nội dung văn bản trên là sự thỏa thuận của các đương sự, không trái với quy định pháp luật, nội dung này còn thể hiện ý chí, sự tự nguyện của ông Nguyễn Minh S. Vì vậy, sự cam kết này đã được xác lập, điều này cũng phù hợp với chứng cứ là tài liệu hạch toán kế toán của năm 2019 thể hiện trong các mục ghi nợ dài hạn; ngắn hạn vay và thuê tài chính dài hạn ... thể hiện Công ty HT tại thời điểm này còn dư nợ tài chính số đầu năm là 15.963.799.660 đồng và cuối năm đến 16.000.000.000 đồng. Tại phụ lục báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ thuế năm 2019 trang 1/2 mục III Lưu chuyển tiền hoạt động tài chính, điểm 4 tiền trả nợ gốc vay (cột năm nay thể hiện 12.512.235.500 đồng, cột năm trước thể hiện 26.526.312.706 đồng) tất cả tài liệu này đều do Công ty TNHH Cơ khí HT nộp và đóng đấu được ông Nguyễn Minh S ký xác nhận từ đó xác định số nợ trong danh sách hai bên liệt kê 7.032.793.597 đồng (Bảy tỷ, không trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm chín mươi bảy đồng) là không chính xác so với báo cáo tài chính tại thời điểm các bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng. Tại các phiên toà Hội đồng xét xử nhiều lần tạm ngừng để người đại diện của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh S về việc cung cấp tài liệu chi tiết là các chứng từ, hoá đơn trong bảng hạch toán, bảng cân đối kế toán năm 2019, mục 9,10 trang 3/4 do Công ty TNHH Cơ khí HT đã cung cấp. Tòa án nhân dân Quận 5 (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3) - Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 190 ngày 24/6/2025 để Công ty TNHH Cơ khí HT, ông S, ông V nộp các tài liệu chi tiết để chứng minh số nợ trên không tồn tại thời đểm chuyển nhượng cổ phần theo tài liệu hạch toán, bảng cân đối kế toán (năm) của kỳ tính thuế năm 2019... cũng như quý I và II năm 2020 nhằm tạo điều kiện cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình. Tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp được. Vì vậy xác định Hợp đồng vay được ký kết ngày 09/01/2019 giữa nguyên đơn và Công ty TNHH Cơ khí HT là hợp pháp, đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa cá nhân và pháp nhân. Việc nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH Cơ khí HT phải trả khoản nợ trên cùng lãi suất là phù hợp theo các Điều 86; 117; 119; 463; 465; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu trả tiền gốc và lãi vay:

Căn cứ điểm khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi trên số nợ gốc tương

ứng với thời gian chậm trả cho nguyên đơn với mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng 10%/năm. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc tính gốc lãi là phù hợp với quy định pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh S buộc các ông, bà: Mã A, Mã Tuấn K, Trần Lê Phương Đ phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc và lãi tương ứng với số tiền mà Công ty TNHH Cơ khí HT phải trả cho ông T, bà M theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với khoản 3 Điều 2 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/02/HĐCNCP ngày 20/02/2020, do các ông (bà) A, K và Đ đã cam kết: "Tất cả các khoản công nợ không liệt kê trong Điều khoản hợp đồng này thì trách nhiệm sẽ thuộc về các cổ đông Công ty TNHH Cơ khí HT như ông Mã A, ông Mã Tuấn K, bà Trần Lê Phương Đ sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm về các khoản nợ đó" nên có cơ sở chấp nhận.

Xét việc trình bày của các ông Mã A, Mã Tuấn K: Xin chịu trách nhiệm cá nhân để trả cho ông Võ Lê T và bà Lê Nữ Anh M số tiền nợ mà phía nguyên đơn yêu cầu, bà Trần Lê Phương Đ không liên quan đến khoản nợ trên vì ngay tại thời điểm ký vay bà Đ chưa vào Công ty HT với bất kỳ tư cách gì. Việc nguyên đơn không chấp nhận chuyển nợ từ bị đơn sang gia đình các ông, bà Mã A, Mã Tuấn K, Trần Lê Phương Đ và đề nghị hoàn trả cho ông Mã Tuấn K số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) mà ông K đã chuyển cho nguyên đơn vào ngày 17 tháng 01 năm 2023 là ý chí của nguyên đơn không trái pháp luật.

[4] Về việc giải quyết tranh chấp giữa công ty và các thành viên của công ty theo yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Cơ khí HT và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh S:

Xét yêu cầu giải quyết tranh chấp giữa công ty và thành viên của công ty quy định tại khoản 4 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hiện cũng thuộc thẩm quyền giải của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ điểm c khoản 1 Điều 4 Luật Tổ chức Toà án nhân dân năm 2024 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực có hiệu lực ngày 01/7/2025; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, tuy nhiên Hội đồng xét xử không chấp nhận giải quyết chung trong vụ án vì sẽ mâu thuẫn với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Minh S vì vậy Công ty TNHH Cơ khí HT gồm các ông Nguyễn Minh S và Phan Quang V có thể giải quyết tranh chấp bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí:

[5.1] Vì chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cơ Khí HT phải trả chịu án phí.

[5.2] Vì chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh S nên các ông, bà Mã A, Mã Tuấn K, Trần Lê Phương Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5.3] Hoàn trả lại cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh S tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Điều 4 Luật Tổ chức Toà án nhân dân năm 2024 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ các Điều 86 ;117 ;119 ; 463, 465 ;466 ; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án năm 2024 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cơ Khí HT phải trả cho ông Võ Lê T và bà Lê Nữ Anh M số tiền tạm tính đến ngày 24/7/2025 là 1.586.237.500 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng), trong đó bao gồm: Tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); Tiền lãi là 586.237.500 đồng (Năm trăm tám mươi sáu triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

2. Nguyên đơn ông Võ Lê T, bà Lê Nữ Anh M có trách nhiệm hoàn trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã Tuấn K số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) mà ông K đã chuyển cho nguyên đơn vào ngày 17 tháng 01 năm 2023 ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh S. Buộc ông Mã A, ông Mã Tuấn K và bà Trần Lê Phương Đ phải trả lại cho ông Nguyễn Minh S số tiền nợ mà ông Mã A, ông Mã Tuấn K xác nhận đã nợ nguyên đơn, tạm tính đến ngày 24/7/2025 là 1.586.237.500 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng), trong đó: Tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); Tiền lãi là 586.237.500 đồng (Năm trăm tám mươi sáu triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

4. Về án phí:

[4.1] Bị đơn Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Cơ Khí HT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 59.587.125 đ (Năm mươi chín triệu, năm trăm tám mươi bảy ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng).

[4.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Các ông, bà: Mã A, Mã Tuấn K, Trần Lê Phương Đ phải chịu án phí 59.587.125 đ (Năm mươi chín triệu, năm trăm tám mươi bảy ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng).

[4.3] Hoàn lại cho nguyên đơn Võ Lê T, bà Lê Nữ Anh M 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí mà ông T, bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0035861 ngày 06/5/2020 và 3.043.750đ (Ba triệu không trăm bốn mươi ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng) là tiền tạm ứng án phí mà ông T, bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0036307 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4.3] Hoàn lại cho ông Nguyễn Minh S 24.652.500đ (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm đồng) là tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010022 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời chậm thanh toán.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VSKND KV3 - TP.HCM;
- THADS. TP.HCM
- Phòng THADS KV3 - TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

Huỳnh Trần Thục Oanh

khoản 4 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án: “4. Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty; tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc trong công ty cổ phần, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể,

sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao tài sản của công ty, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty". Căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện: "b) Tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật này"; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh: "a) Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động quy định tại các Điều 26, 28, 30 và 32 của Bộ luật này, trừ những tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 35 của Bộ luật này".

khoản 4 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án: "4. Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty; tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc trong công ty cổ phần, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao tài sản của công ty, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty". Căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện: "b) Tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật này"; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh: "a) Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động quy định tại các Điều 26, 28, 30 và 32 của Bộ luật này, trừ những tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 35 của Bộ luật này".

Nguyên đơn ông Võ Lê T và bà Lê Nữ Anh M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Cơ khí HT trả tiền nợ vay theo hợp đồng vay ngày ngày 09 tháng 01 năm 2019, đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa cá nhân và tổ chức. Tại hợp đồng vay ngày 09/01/2019 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301240862 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 9 năm 2019 (tại thời điểm ký kết hợp đồng) và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24 tháng 02 năm 2020 (tại thời điểm khởi kiện) do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp theo công văn số 392/ĐKKD-THK1 ngày 23/7/2025, bị đơn Công ty TNHH Cơ khí HT có địa chỉ trụ sở tại số QEP đường GTD, Phường QY, Quận Y (nay là phường Chợ Lớn), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và điểm c khoản 1 Điều 4 Luật Tổ chức Tòa án năm 2024 sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.